TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I

MÔN TOÁN – KHỐI 3

PHIẾU SỐ 40

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số 624 đọc là:

A. Sáu trăm hai mươi tư **B.** Bốn trăm hai mươi sáu

C. Sáu trăm bốn mươi hai **D.** Sáu trăm ba mươi tư

Câu 2. Kết quả của phép chia 12 : 4 là:

A. 4 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 8

Câu 3. Gấp 8 lên 7 lần được:

A. 63 **B.** 56 **C.** 15 **D.** 64

Câu 4. Một phần năm (1/5) của 15 kg là:

A. 5 kg **B.** 10 kg **C.** 75 kg **D.** 3 kg

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 5 m 4 cm = …… cm

A. 54 **B.** 540 **C.** 504 **D.** 5004

Câu 6. H là trung điểm của đoạn thẳng EG. Biết EG = 44 m, độ dài đoạn EH là:

A. 42 m **B.** 22 m **C.** 88 m **D.** 44 m

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 22 + 2 × 2 = 48	
b) 6 m = 60 cm	
c) 94 : 8 = 11 (dư 6)	
d) 6 × 5 = 28	

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 9 × 5 …… 47

b) 1 l …… 1000 ml

c) 4 m 2 cm …… 411 cm

d) 1/2 của 14 …… 1/6 của 30

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 8 lên 4 lần: ……

b) Giảm 24 đi 4 lần: ……

c) 31 thêm 3 đơn vị: ……

d) Gấp 31 lên 3 lần: ……

Bài 4. Tính:

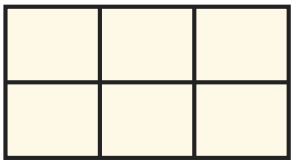
a) 535 g + 123 g = …… g

b) 459 ml − 296 ml = …… ml

c) 289 mm × 2 = …… mm

d) 138 kg : 3 = …… kg

Bài 5. Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình chữ nhật.

Bài 6. Một đàn gà có 28 con gà trống, số gà mái gấp 5 lần số gà trống. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con gà mái?

a) Trả lời: …… con gà mái

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 40

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	B	D	C	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) S; b) S; c) Đ; d) S

Bài 2.

a) 9 × 5 = 45 nên điền dấu «<»

b) 1 l = 1000 ml nên điền dấu «=»

c) 4 m 2 cm = 402 cm nên điền dấu «<»

d) 1/2 của 14 là 7; 1/6 của 30 là 5 nên điền dấu «>»

Bài 3.

a) 8 × 4 = 32

b) 24 : 4 = 6

c) 31 + 3 = 34

d) 31 × 3 = 93

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

Bài 4.

a) 658 g

b) 163 ml

c) 578 mm

d) 46 kg

Bài 5.

Theo chiều ngang có 6 cách chọn, theo chiều dọc có 3 cách chọn: 6 × 3 = 18 hình chữ nhật.

Bài 6.

28 × 5 = 140 (con)